HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2025/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 25 tháng 7 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường.

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trong năm 2025 được thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, phù hợp nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

2. Phân cấp nguồn thu gắn với nhiệm vụ chi và khả năng quản lý nguồn thu của từng cấp ngân sách, đồng thời đảm bảo sự ổn định và cân đối của ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trong năm 2025.

3. Bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động thu ngân sách nhà nước và thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương diễn ra bình thường, liên tục và thông suốt.

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội.

2. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%:

a) Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị) từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác (không bao gồm giá trị gia tăng thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã).

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

c) Các khoản thuế thu nhập cá nhân khác (không bao gồm thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã và thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản).

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu từ các doanh nghiệp và đơn vị; không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh).

đ) Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp; không bao gồm thuế tài nguyên thu từ sản phẩm rừng tự nhiên và tài nguyên khoáng sản của cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh).

e) Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu) phần ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ phân chia khoản thu giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương theo quy định của Trung ương.

g) Lệ phí môn bài từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh (không bao gồm thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh).

h) Lệ phí trước bạ (không bao gồm Lệ phí trước bạ nhà, đất).

i) Lệ phí các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu (không bao gồm lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ).

k) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện (không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động); phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật; số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

l) Tiền sử dụng đất (trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý).

m) Tiền cho thuê mặt đất, thuê mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

n) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

o) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

p) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.

q) Thu từ bán tài sản nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

r) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

s) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

t) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật (gồm giấy phép do Trung ương và địa phương cấp phép).

u) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

ư) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp tỉnh.

v) Thu từ Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.

w) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

x) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

y) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý.

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

a) Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã.

b) Thuế thu nhập cá nhân thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã, thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản.

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu) từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã.

d) Thuế tài nguyên thu từ sản phẩm rừng tự nhiên và tài nguyên khoáng sản của cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã.

đ) Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

e) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

g) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh.

h) Lệ phí trước bạ nhà, đất.

i) Lệ phí do cấp xã thực hiện thu (trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài).

k) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã thực hiện.

l) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do cấp xã quản lý.

m) Thu từ bán tài sản nhà nước do cấp xã quản lý.

n) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quyết định xử phạt, tịch thu.

o) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

p) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

q) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã theo quy định của pháp luật

r) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật cho cấp xã.

s) Thu kết dư ngân sách cấp xã.

t) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã năm trước chuyển sang.

u) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý.

2. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

Điều 6. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã:

Chi tiết theo phụ lục kèm theo.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.

c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội tại cấp tỉnh.

d) Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, thu tiền sử dụng đất cho các chương trình, dự án.

đ) Đối ứng vốn đầu tư thực hiện các dự án ODA, NGO (nếu có).

e) Chi đầu tư phát triển thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình mục tiêu do cấp tỉnh quản lý.

g) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

h) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công

trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, gồm: Giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác; đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác.

b) Sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gồm: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do cấp tỉnh thực hiện do ngân sách cấp tỉnh bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, gồm: Hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh; kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế do cấp tỉnh thực hiện; vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác dân số và gia đình và các hoạt động y tế khác do cấp tỉnh thực hiện.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin, gồm: Bảo tồn, phim, ảnh, thư viện, lưu trữ; các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật, biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim; hoạt động thông tin, truyền thông, xuất bản, báo chí và các hoạt động văn hóa, thông tin khác do cấp tỉnh thực hiện.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình.

g) Sự nghiệp thể dục, thể thao, gồm: Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác do cấp tỉnh thực hiện.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường, gồm: Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường do cấp tỉnh thực hiện.

i) Các hoạt động kinh tế, gồm:

- Sự nghiệp giao thông, bao gồm các hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý và hoạt động giao thông khác.

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm các hoạt động phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý.

- Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm các hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành; lưu trữ hồ sơ địa chính và hoạt động quản lý tài nguyên khác.

- Quy hoạch; xúc tiến đầu tư; thương mại, du lịch, công nghệ thông tin.

- Nhiệm vụ kiến thiết thị chính.

- Chi hỗ trợ theo các chương trình, chính sách về kinh tế đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Đối ứng kinh phí sự nghiệp thực hiện các dự án ODA, các dự án phi chính phủ nước ngoài.

- Các hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

k) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

m) Chi đảm bảo xã hội, gồm: Các cơ sở trợ giúp xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác do cấp tỉnh thực hiện; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

n) Chi bổ sung quỹ thi đua khen thưởng cấp tỉnh.

o) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi thường xuyên thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình mục tiêu.

4. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

5. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.

6. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

7. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

8. Chi nộp trả ngân sách cấp trên.

9. Các khoản chi khác của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, b, c, Khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn vốn đầu tư theo phân cấp thuộc cấp xã quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Chi đầu tư phát triển thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình mục tiêu do cấp xã quản lý.

c) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của cấp xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và Luật đầu tư công cho từng dự án nhất định, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý.

d) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp xã và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp xã.

2. Chi thường xuyên ở cấp xã được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Chi sự nghiệp giáo dục: gồm: Giáo dục tiểu học, phổ thông (bao gồm cả chi cho học sinh tại các trường dân tộc nội trú do cấp xã quản lý), nhà trẻ, mẫu giáo, giáo dục cộng đồng và các hoạt động giáo dục khác trên địa bàn cấp xã quản lý.

b) Sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gồm: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

c) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do cấp xã thực hiện:

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật Dân quân tự vệ.

- Thực hiện chế độ cho lực lượng an ninh trật tự ở cơ sở; hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã.

- Tổ chức hoạt động diễn tập về an ninh, quốc phòng của cấp xã.

- Đối với cấp xã biên giới: Chi cho nhiệm vụ quản lý, bảo vệ cột mốc và an ninh biên giới.

- Các hoạt động về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội của cấp xã theo phân cấp tại các quy định của pháp luật hiện hành.

d) Chi sự nghiệp y tế, gồm: Chi các nhiệm vụ của trạm y tế cấp xã; Hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn cấp xã; chi các hoạt động phòng, chống dịch theo phân cấp quản lý; chi thực hiện các chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế cho các đối tượng do cấp xã quản lý.

đ) Các hoạt động văn hóa thông tin; phát thanh, truyền thanh; thể dục thể thao do cấp xã thực hiện.

e) Chi hoạt động bảo vệ môi trường do cấp xã thực hiện theo phân cấp quản lý.

g) Chi các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp xã quản lý:

- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do xã quản lý; Hoạt động kiến thiết thị chính giao cho cấp xã thực hiện theo phân cấp quản lý.

- Hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi theo quy định.

- Các hoạt động kinh tế khác do cấp xã thực hiện theo phân cấp quản lý.

h) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; chi thực hiện các chế độ, chính sách cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã và hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã; chi hỗ trợ hoạt động cho các thôn, tổ dân phố; chi hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp xã theo quy định của pháp luật; chi hỗ trợ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng theo quy định; chi thực hiện các chính sách đối với cán bộ không chuyên trách; chi thực hiện các nhiệm vụ quản lý hành chính cấp xã theo quy định.

i) Chi đảm bảo xã hội do cấp xã quản lý: Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ ngày 01 tháng 01 năm 1998 trở về sau do Bảo hiểm xã hội chi trả); chi thăm hỏi các gia đình chính sách; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật; trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác.

k) Các khoản chi thường xuyên khác ở xã theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Chi sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ giao cho cấp xã thực hiện.

5. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên.

6. Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật, bao gồm chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại tiết a, b, c, khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2025./.

2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2025, được áp dụng cho năm ngân sách 2025 và bãi bỏ các Nghị quyết:

a) Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022 - 2025.

b) Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân

sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

c) Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2023 - 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, (D).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Phạm Thị Minh Xuân

PHỤ LỤC

Phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phần ngân sách địa phương được hưởng

(Kèm theo Điều 6 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu		Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
I	**CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG 100%**			
1	**Thuế giá trị gia tăng** *(không kể thuế GTGT thu từ hàng hoá nhập khẩu, thuế GTGT thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)*			
a	Thu từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác	100		
b	Thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã		100	
2	**Thuế thu nhập doanh nghiệp** *(không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)*	**100**		
3	**Thuế thu nhập cá nhân**			
a	Thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã, thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản		100	
b	Các khoản thuế thu nhập cá nhân khác *(không bao gồm Thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã và thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)*	100		
4	**Thuế tiêu thụ đặc biệt** *(không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu)*			
a	Thu từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác	100		

STT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu		Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
b	Thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã		100	
5	**Thuế tài nguyên** *(không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)*			
a	Thu từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh	100		
b	Thuế tài nguyên thu từ sản phẩm rừng tự nhiên và tài nguyên khoáng sản của cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã		100	
6	**Thuế bảo vệ môi trường** *(không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu): phần NSĐP được hưởng theo tỷ lệ phân chia khoản thu giữa NSTW với NSĐP theo quy định của trung ương*	**100**		
7	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**		**100**	
8	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**		**100**	
9	**Lệ phí môn bài**			
a	Thu từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh	100		
b	Thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh		100	
10	**Lệ phí trước bạ**			
a	Lệ phí trước bạ nhà đất		100	
b	Lệ phí trước bạ (không bao gồm Lệ phí trước bạ nhà đất)	100		
11	**Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu** *(không bao gồm lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ)*			
a	Do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu	100		
b	Do cấp xã thực hiện thu		100	

STT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu		Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
12	**Phí do các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (phần nộp ngân sách nhà nước)**			Số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật
a	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện; thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện	100		
b	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã thực hiện		100	
13	**Tiền sử dụng đất** *(trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý)*	**100**		
14	**Tiền cho thuê mặt đất, thuê mặt nước**	**100**		
15	**Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**			
a	Đối với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý	100		
b	Đối với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý		100	
16	**Thu hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán**	**100**		
17	**Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế theo quy định; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu**	**100**		
18	**Thu từ bán tài sản nhà nước**			
a	Đối với tài sản nhà nước do cấp tỉnh quản lý	100		
b	Đối với tài sản nhà nước do cấp xã quản lý		100	
19	**Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật**			

STT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu		Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
a	Do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định xử phạt, tịch thu	100		
b	Do cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu		100	
20	**Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật**			
a	Do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật	100		
b	Do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã xử lý theo quy định của pháp luật		100	
21	**Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác**		100	
22	**Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật** (gồm giấy phép do Trung ương và địa phương cấp phép)	**100**		
23	**Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật**			
a	Đối với các khoản viện trợ cho cấp tỉnh	100		
b	Đối với các khoản viện trợ cho cấp xã		100	
24	**Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật**			
a	Các khoản huy động, đóng góp cho cấp tỉnh	100		
b	Các khoản huy động, đóng góp cho cấp xã		100	
25	**Thu từ Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh**	**100**		
26	**Thu kết dư ngân sách**			
a	Cấp tỉnh	100		
b	Cấp xã		100	
27	**Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang**			
a	Cấp tỉnh	100		
b	Cấp xã		100	

STT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu		Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
28	**Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật**			
a	Thu khác về thuế (kể cả tiền chậm nộp thuế và tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý)			
	Tiền chậm nộp các khoản thuế thu từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh, các tổ chức và đơn vị khác	100		
	Tiền chậm nộp các khoản thuế thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		100	
	Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý (phân chia theo cơ quan tổ chức thu)			
	- Cấp tỉnh	100		
	- Cấp xã		100	
b	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	100		
c	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	100		
d	Thu khác theo quy định của pháp luật theo từng cấp quản lý (kể cả tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành khác quản lý)			
	- Cấp tỉnh	100		
	- Cấp xã		100	
II	**CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO TỶ LỆ PHÂN CHIA GIỮA NSTW VÀ NSĐP THEO QUY ĐỊNH)**	**100**		